

Phụ lục số 11



BẢNG GIÁ ĐẤT KHU VỰC 11

Áp dụng đối với các thửa đất (khu đất) thuộc địa giới hành chính các xã: Phương Dục, Phú Xuyên, Chuyên Mỹ, Đại Xuyên
(kèm theo Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

TT	Tên đường phố	Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	Quốc Lộ												
1	Quốc lộ 1A: Đoạn từ giáp địa phận xã Chương Dương tại ga Chợ Tía đến ngã ba giao cắt với đường dẫn qua cầu chui cao tốc												
-	Quốc lộ 1A: Đoạn từ giáp địa phận xã Chương Dương tại ga Chợ Tía đến ngã ba giao cắt với đường dẫn qua cầu chui cao tốc: Phía đối diện đường tàu	22.292	15.578	12.344	11.337	7.263	5.841	4.681	4.309	4.792	3.853	3.192	2.939
-	Quốc lộ 1A: Đoạn từ giáp địa phận xã Chương Dương tại ga Chợ Tía đến ngã ba giao cắt với đường dẫn qua cầu chui cao tốc: Phía đi qua đường tàu	16.505	12.053	9.755	9.006	5.794	4.375	3.497	3.228	3.907	2.930	2.437	2.250
2	Quốc lộ 1A: Đoạn từ ngã 3 giao cắt với đường dẫn qua cầu chui cao tốc đến giáp nghĩa trang Vườn Thánh												
-	Quốc lộ 1A: Đoạn từ ngã 3 giao cắt với đường dẫn qua cầu chui cao tốc đến giáp nghĩa trang Vườn Thánh: Phía đối diện đường tàu	15.770	11.831	9.319	8.603	5.912	4.493	3.568	3.294	3.900	2.964	2.434	2.246
-	Quốc lộ 1A: Đoạn từ ngã 3 giao cắt với đường dẫn qua cầu chui cao tốc đến giáp nghĩa trang Vườn Thánh: Phía đi qua đường tàu	12.109	9.321	7.372	6.828	4.434	3.416	2.678	2.513	2.925	2.253	1.826	1.714
3	Quốc lộ 1A: Đoạn từ nghĩa trang Vườn Thánh cạnh THPT Phú Xuyên đến ngã ba giao cắt với đường vào bệnh viện Phú Xuyên												
-	Quốc lộ 1A: Đoạn từ nghĩa trang Vườn Thánh đến ngã ba giao cắt với đường vào bệnh viện Phú Xuyên: Phía đối diện đường tàu	16.505	12.053	9.755	9.006	5.794	4.375	3.497	3.228	3.907	2.930	2.437	2.250

5

TT	Tên đường phố	Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
-	Quốc lộ 1A: Đoạn từ nghĩa trang Vườn Thánh đến ngã ba giao cắt với đường vào bệnh viện Phú Xuyên: Phía đi qua đường tàu	11.003	8.582	6.813	6.309	3.862	2.974	2.223	1.865	2.548	1.962	1.516	1.272
4	Quốc lộ 1A: Đoạn từ ngã ba giao cắt với đường dẫn vào bệnh viện Phú Xuyên đến Cầu Giẽ												
-	Quốc lộ 1A: Đoạn từ ngã ba giao cắt với đường dẫn vào bệnh viện Phú Xuyên đến Cầu Giẽ: Phía đối diện đường tàu	12.109	9.321	7.372	6.828	4.434	3.416	2.678	2.513	2.925	2.253	1.826	1.714
-	Quốc lộ 1A: Đoạn từ ngã ba giao cắt với đường dẫn vào bệnh viện Phú Xuyên đến Cầu Giẽ: Phía đi qua đường tàu	9.906	7.821	5.732	5.299	3.695	2.884	2.231	2.094	2.438	1.902	1.521	1.428
5	Quốc lộ 1A: Đoạn từ Cầu Giẽ đến hết địa phận xã Chuyên Mỹ												
-	Quốc lộ 1A: Đoạn từ Cầu Giẽ đến hết địa phận xã Chuyên Mỹ: Phía đối diện đường tàu	9.906	7.821	5.732	5.299	3.695	2.884	2.231	2.094	2.438	1.902	1.521	1.428
-	Quốc lộ 1A: Đoạn từ Cầu Giẽ đến hết địa phận xã Chuyên Mỹ: Phía đi qua đường tàu	8.081	6.459	5.141	4.780	2.956	2.365	1.866	1.729	1.950	1.560	1.273	1.179
II	Đường tỉnh lộ												
6	Đường 428: Đoạn từ Cầu Giẽ đến cầu cống thần (xã Chuyên Mỹ)	8.081	6.459	5.141	4.780	2.956	2.365	1.866	1.729	1.950	1.560	1.273	1.179
7	Đường 428B (xã Đại Xuyên)												
-	Đường 428B: Đoạn từ giáp quốc lộ 1A đến ngã ba giao cắt với đường dẫn vào đền Phúc Lâm	9.474	7.484	5.947	5.514	3.534	2.758	2.181	2.038	2.438	1.902	1.555	1.454
-	Đường 428B: Đoạn từ ngã ba giao cắt với đường dẫn vào đền Phúc Lâm đến ngã ba giao cắt với đường dẫn vào nhà thờ Giáo họ Dũng Lạc	6.072	4.916	3.924	3.643	2.159	1.764	1.337	1.271	1.463	1.195	936	890
-	Đường 428B: Đoạn từ ngã ba giao cắt với đường 428B qua cổng giáo xứ Bái Đô đến giáp đê sông Hồng	5.023	4.033	3.026	2.762	1.679	1.492	1.230	1.152	1.138	1.011	861	807
-	Đường 428B: Đoạn từ ngã ba giao cắt với đường dẫn vào nhà thờ Giáo họ Dũng Lạc đến ngã ba giao cắt với đường dẫn qua trường THCS Minh Tân	4.296	3.515	2.805	2.613	1.439	1.295	1.069	1.004	975	878	749	703

TT	Tên đường phố	Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đường 428B: Đoạn từ ngã ba giao cắt với đường dẫn qua trường THCS Minh Tân đến giáp chợ Lương tỉnh Ninh Bình	3.577	2.928	2.169	2.029	1.200	1.080	891	836	813	732	624	585
8	Đường 429												
-	Đường 429: Đoạn xã Vạn Điểm, Minh Cường cũ (từ giáp Quốc lộ 1A đến giáp thị trấn Phú Minh)	16.505	12.053	9.755	9.006	5.794	4.375	3.497	3.228	3.907	2.930	2.437	2.250
-	Đường 429: Đoạn từ dốc Vệ tinh đến giáp đê sông Hồng, xã Phú Xuyên	12.843	9.887	7.818	7.241	4.414	3.378	2.664	2.460	2.912	2.228	1.817	1.677
-	Đường 429: Đoạn từ địa phận xã Phương Dục (tiếp giáp xã Thượng Phúc) đến Đường trục Phía Nam Hà Nội	9.906	7.821	5.732	5.299	3.695	2.884	2.231	2.094	2.438	1.902	1.521	1.428
-	Đường 429: Đoạn từ Đường trục Phía Nam Hà Nội đến giáp địa phận xã Ứng Thiên	8.081	6.459	5.141	4.780	2.956	2.365	1.866	1.729	1.950	1.560	1.273	1.179
III	Đường địa phương												
9	Đường Thao Chính đi Sơn Hà: Đoạn từ giáp QL. 1A qua chùa Thao Chính đến hết nghĩa trang Tiểu Khu, cạnh trường TH thị trấn Phú Xuyên cũ	10.271	8.016	6.352	5.889	3.587	2.761	2.165	1.831	2.366	1.821	1.476	1.249
10	Đường tránh Quốc lộ 1A: Đoạn từ giáp Quốc lộ 1A cũ đến giáp đường cao tốc	9.906	7.821	5.732	5.299	3.695	2.884	2.231	2.094	2.438	1.902	1.521	1.428
11	Đường từ giáp đường 429 qua chợ Phú Minh đến hết ngã ba giao cắt với đường dẫn ra đình Văn Nhân (cổng xóm Thái Học)	9.906	7.821	5.732	5.299	3.695	2.884	2.231	2.094	2.438	1.902	1.521	1.428
12	Đường vào Bệnh viện Phú Xuyên: Đoạn từ giáp QL. 1A đến cổng Bệnh viện	12.843	9.887	7.818	7.241	4.414	3.378	2.664	2.460	2.912	2.228	1.817	1.677
13	Đường vào sân vận động: Đoạn từ giáp QL. 1A đến sân vận động Phú Xuyên, xã Phú Xuyên	12.843	9.887	7.818	7.241	4.414	3.378	2.664	2.460	2.912	2.228	1.817	1.677
14	Đường nối từ ngã ba giao cắt với đường dẫn ra đình Văn Nhân (cổng xóm Thái Học) đến ngã ba giao cắt với đường dẫn ra trường tiểu học Nam Tiến B	7.367	5.884	4.699	4.350	2.476	2.171	1.787	1.672	1.708	1.498	1.274	1.192
15	Đường nối từ Cầu chui cao tốc xã Phú Xuyên đến trạm bơm Nam Liên	5.023	4.033	3.026	2.762	1.679	1.492	1.230	1.152	1.138	1.011	861	807

TT	Tên đường phố	Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
16	Đường nối từ cầu Tân Dân (xã Chuyên Mỹ) đến giáp thôn Cổ Hoàng (xã Phụng Dực)	3.577	2.928	2.169	2.029	1.200	1.080	891	836	813	732	624	585
17	Đường nối từ cây xăng Tân Dân đến cầu Tân Dân (xã Chuyên Mỹ)	5.023	4.033	3.026	2.762	1.679	1.492	1.230	1.152	1.138	1.011	861	807
18	Đường nối từ chùa Cổ Sư đến giáp đường 429 (xã Phụng Dực)	5.655	4.538	3.356	3.138	1.649	1.466	1.208	1.132	1.138	1.011	861	807
19	Đường nối từ đê sông Lương đến hết nghĩa trang Hoà Khê (xã Đại Xuyên)	3.164	2.591	2.069	1.925	1.062	953	788	738	732	658	562	527
20	Đường nối từ giáp chùa Phú Đồi đến đê Sông Nhuệ (xã Phụng Dực)	3.577	2.928	2.169	2.029	1.200	1.080	891	836	813	732	624	585
21	Đường nối từ giáp đường 429 chợ Bông qua giếng đình thôn Tri Chỉ đến chùa Chùa Bến	6.796	5.451	4.058	3.687	2.487	1.990	1.570	1.454	1.684	1.347	1.099	1.018
22	Đường nối từ giáp nghĩa trang Tiểu Khu (cạnh chùa Thao Chính) đến cây xăng Tân Dân (xã Phú Xuyên)	5.023	4.033	3.026	2.762	1.679	1.492	1.230	1.152	1.138	1.011	861	807
23	Đường nối từ giáp Quốc lộ 1A đến giáp nhà máy gạch Nam Thăng Long Phú Xuyên	9.474	7.484	5.947	5.514	3.534	2.758	2.181	2.038	2.438	1.902	1.555	1.454
24	Đường nối từ ngã ba thôn Văn Hội đến thôn Xuân La (xã Phụng Dực)	4.296	3.515	2.805	2.613	1.439	1.295	1.069	1.004	975	878	749	703
25	Đường nối từ ngã ba giao cắt với đường nối qua trường tiểu học Đại Thăng đến chùa Phú Đồi (xã Phụng Dực)	5.023	4.033	3.026	2.762	1.679	1.492	1.230	1.152	1.138	1.011	861	807
26	Đường nối từ nhà máy gạch Nam Thăng Long Phú Xuyên đến giáp đê sông Hồng	3.164	2.591	2.069	1.925	1.062	953	788	738	732	658	562	527
27	Đường nối từ thôn Cổ Hoàng (xã Phụng Dực) đến điểm giao cắt với đường trục phía Nam Hà Nội	4.296	3.515	2.805	2.613	1.439	1.295	1.069	1.004	975	878	749	703
28	Đường nối từ tỉnh lộ 428 đi qua đình thôn Tầm Thượng đến khu dân cư thôn Mai Xá (xã Đại Xuyên)	5.023	4.033	3.026	2.762	1.679	1.492	1.230	1.152	1.138	1.011	861	807
29	Đường Thao Chính Nam Triều (từ giáp QL 1A qua trạm bơm Thao Chính 1 đến Cầu Chui Cao tốc)	12.843	9.887	7.818	7.241	4.414	3.378	2.664	2.460	2.912	2.228	1.817	1.677

TT	Tên đường phố	Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
30	Đường tránh từ đường vào cụm công nghiệp làng nghề Đại Thắng đến ngã ba giao cắt với đường nối từ ngã ba giao cắt với đường dẫn qua chùa Phú Đồi đến thôn Xuân La (xã Phương Dục)	3.577	2.928	2.169	2.029	1.200	1.080	891	836	813	732	624	585
31	Đường trục phát triển kinh tế phía Đông												
-	Đường trục phát triển kinh tế phía Đông: Đoạn từ ngã ba giao cắt tỉnh lộ 429 đến đầu đường gom dẫn qua đình Thượng Duyên Yết	9.906	7.821	5.732	5.299	3.695	2.884	2.231	2.094	2.438	1.902	1.521	1.428
-	Đường trục phát triển kinh tế phía Đông: Đoạn từ đầu đường gom dẫn qua đình Thượng Duyên Yết đến hết địa phận xã Phú Xuyên (giáp xã Đại Xuyên)	5.655	4.538	3.356	3.138	1.649	1.466	1.208	1.132	1.138	1.011	861	807
-	Đường trục phát triển kinh tế phía Đông: Đoạn từ địa phận xã Đại Xuyên (giáp xã Phú Xuyên) đến ngã ba giao cắt đường tỉnh lộ 428	5.023	4.033	3.026	2.762	1.679	1.492	1.230	1.152	1.138	1.011	861	807
32	Đường Trục vào thôn Vạn Diêm: Đoạn từ giao cắt tỉnh lộ 429 qua nhà văn hóa tiểu khu Phú Gia, Trạm y tế, Nhà máy nước đến giáp thôn Vạn Diêm	9.906	7.821	5.732	5.299	3.695	2.884	2.231	2.094	2.438	1.902	1.521	1.428
33	Đường Trục vào xóm Chùa: Đoạn từ giao cắt tỉnh lộ 429 qua Trường tiểu học Phú Minh, Nhà máy cơ khí, Nhà máy giấy đến giáp thôn Đặng Xá (xã Phú Xuyên)	9.906	7.821	5.732	5.299	3.695	2.884	2.231	2.094	2.438	1.902	1.521	1.428
34	Đường từ giáp quốc lộ 1A đến hết khu dịch vụ Văn Từ	3.164	2.591	2.069	1.925	1.062	953	788	738	732	658	562	527
35	Đường từ ngã ba giao cắt đường tỉnh 428B đến ngã ba giao cắt cạnh nghĩa trang giáo xứ thôn Thành Lập	3.577	2.928	2.169	2.029	1.200	1.080	891	836	813	732	624	585
36	Đường từ nghĩa trang thôn Nhân Vực đến đê sông Hồng (xã Phú Xuyên)	5.023	4.033	3.026	2.762	1.679	1.492	1.230	1.152	1.138	1.011	861	807
37	Đường từ Quốc lộ 1A: Đoạn từ đối diện cụm công nghiệp làng nghề Văn Tự đến đầu thôn Văn Lăng (xã Phú Xuyên)	9.474	7.484	5.947	5.514	3.534	2.758	2.181	2.038	2.438	1.902	1.555	1.454
38	Đường vào Bệnh viện Phú Xuyên: Đoạn từ cổng bệnh viện Phú Xuyên đến cầu chui cao tốc	9.474	7.484	5.947	5.514	3.534	2.758	2.181	2.038	2.438	1.902	1.555	1.454

TT	Tên đường phố	Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
39	Đường vào thôn Đại Đồng (xã Phú Xuyên): Đoạn từ giao cắt đường Thao Chính - Sơn Hà đi Tân Dân đến hết địa phận thôn (giáp thôn Ứng Hòa)	8.081	6.459	5.141	4.780	2.956	2.365	1.866	1.729	1.950	1.560	1.273	1.179
40	Đường xóm Đình Văn Nhân (xã Phú Xuyên): Đoạn từ giao cắt đường tỉnh lộ 429 đi qua Đình Nho Tổng, chùa Văn Minh đến đình Con cá thôn Văn Minh	9.906	7.821	5.732	5.299	3.695	2.884	2.231	2.094	2.438	1.902	1.521	1.428
41	Đường xóm Vinh Quang đến ngã tư giao cắt với đường dẫn vào chùa Văn Minh	9.906	7.821	5.732	5.299	3.695	2.884	2.231	2.094	2.438	1.902	1.521	1.428